

Số: 674/TTMS-NVD

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2022

THƯ CHẤP THUẬN
HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ TRAO THỎA THUẬN KHUNG

Kính gửi: Liên danh Hapharco - Hoàng Đức

Căn cứ Quyết định số 2990/QĐ-BYT ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp 19 thuốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm) thông báo Bên mời thầu đã chấp thuận Hồ sơ đề xuất của nhà thầu cung cấp một số thuốc biệt dược gốc đã đàm phán thành công với giá trúng thầu đã được Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định số 2990/QĐ-BYT ngày 02 tháng 11 năm 2022 nêu trên và trao Thỏa thuận khung cho Quý nhà thầu để thực hiện cung cấp một số thuốc Biệt dược gốc thuộc Gói thầu 1: Cung cấp các thuốc biệt dược gốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021 (Mã hiệu: ĐPG.BDG.01.2021) cụ thể như sau: 04 mặt hàng với tổng giá trị 563.196.663.188 đồng (*Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày ký đến hết ngày 14/11/2024.

Trung tâm đề nghị nhà thầu thực hiện một số nội dung sau:

1. Chấp thuận điều chỉnh số lượng một số thuốc trúng thầu theo đề nghị của Bệnh viện Bạch Mai theo quy định tại Mục 20 Chương I Chỉ dẫn nhà thầu của Hồ sơ yêu cầu về việc thay đổi số lượng thuốc vào thời điểm trao Thỏa thuận khung (*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

2. Thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 24 Chương VII - Biểu mẫu hợp đồng của Hồ sơ yêu cầu đối với các cơ sở y tế tại Bảng 4, Phần 4 Phụ Lục - Danh sách, số lượng yêu cầu cung ứng các thuốc Biệt dược gốc trúng thầu cho từng cơ sở y tế của Hồ sơ yêu cầu và cập nhật số lượng điều chỉnh thuốc cung cấp cho Bệnh viện Bạch Mai nêu trên với tổng số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng không thấp hơn 17.900.878.819 đồng (*Bằng chữ: Mười bảy tỷ, chín trăm triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm mười chín đồng*).

- Thời gian hiệu lực bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực đến hết ngày 14/12/2024.

3. Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết Thỏa thuận khung với Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia trước ngày 12/11/2022 tại Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Bộ Y tế, số 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội (*dự thảo Thỏa thuận khung kèm theo*).

4. Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia đề nghị Nhà thầu có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung, điều chỉnh số lượng thuốc cung cấp và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu. Bên mời thầu sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết thỏa thuận khung với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày 12/11/2022 mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NVD.



GIÁM ĐỐC

Lê Thanh Dũng

PHỤ LỤC I: DANH MỤC THUỐC ĐƯỢC PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Thư chấp thuận và trao Thỏa thuận khung số 674 /TTMS-NVD ngày 03 /11/2022 của Trung tâm MSTTQG)

Gói thầu 1: Cung cấp các thuốc biệt dược gốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021

TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Số đăng ký	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng (tháng)	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT, VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)
1	Taxotere	Docetaxel	20 mg/ 1ml	VN-20265-17	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	24	Hộp 1 lọ x 1ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH, Đức	Lọ	1.856.170	44.796	83.148.991.320
2	Taxotere	Docetaxel	80 mg/ 4ml	VN-20266-17	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	36	Hộp 1 lọ x 4ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH, Đức	Lọ	6.298.864	34.596	217.915.498.944
3	Eloxatin	Oxaliplatin	100 mg/ 20ml	VN-19902-16	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	24	Hộp 1 lọ 20ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH, Đức	Lọ	4.943.570	35.082	173.430.322.740
4	Eloxatin	Oxaliplatin	50 mg/ 10ml	VN-19903-16	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	24	Hộp 1 lọ 10ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH, Đức	Lọ	2.973.778	29.828	88.701.850.184

TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Số đăng ký	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng (tháng)	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT, VND)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
TỔNG CỘNG: 04 khoản (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi ba tỷ một trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn một trăm tám mươi tám đồng)													563.196.663.188

**PHỤ LỤC II: DANH SÁCH, SỐ LƯỢNG YÊU CẦU CUNG ỨNG
CÁC THUỐC BIỆT DƯỢC GỐC CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ CÓ ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH**

(Kèm theo Thư chấp thuận và trao Thỏa thuận khung số 674/TTMS-NVD ngày 03 /11/2022 của Trung tâm MSTTQG)

Gói thầu 1: Cung cấp các thuốc biệt dược gốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021

TT	STT tại Bảng 4 HSYC	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Số lượng tại Bảng 4 HSYC	Số lượng điều chỉnh	Số lượng sau điều chỉnh	Mã CSYT	Tên CSYT đề nghị điều chỉnh	Đơn vị quản lý	Miễn
1	129	Taxotere	Docetaxel	20 mg/1ml	Lọ	440	+1.760	2.200	01929	Bệnh viện Bạch Mai	Bộ Y tế	Bắc
2	188	Taxotere	Docetaxel	80 mg/4ml	Lọ	220	+1.540	1.760	01929	Bệnh viện Bạch Mai	Bộ Y tế	Bắc
3	527	Eloxatin	Oxaliplatin	100 mg/20ml	Lọ	220	+2.552	2.772	01929	Bệnh viện Bạch Mai	Bộ Y tế	Bắc
4	580	Eloxatin	Oxaliplatin	50 mg/10ml	Lọ	220	+2.662	2.882	01929	Bệnh viện Bạch Mai	Bộ Y tế	Bắc

PHỤ LỤC III: DANH MỤC THUỐC ĐỀ NGHỊ KÝ KẾT THỎA THUẬN KHUNG

(Kèm theo Thư chấp thuận và trao Thỏa thuận khung số 679/TTMS-NVD ngày 03/11/2022 của Trung tâm MSTTQG)

Gói thầu 1: Cung cấp các thuốc biệt dược gốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021

TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Số đăng ký	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng (tháng)	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT, VND)	Số lượng tại Bảng 1 Hồ sơ yêu cầu	Số lượng điều chỉnh (Tỷ lệ điều chỉnh)	Số lượng đề nghị ký kết Thỏa thuận khung	Thành tiền (VND)
1	Taxotere	Docetaxel	20 mg/ 1ml	VN-20265-17	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	24	Hộp 1 lọ x 1ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH, Đức	Lọ	1.856.170	44.796	+1.760 (3,9%)	46.556	86.415.850.520
2	Taxotere	Docetaxel	80 mg/ 4ml	VN-20266-17	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	36	Hộp 1 lọ x 4ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH, Đức	Lọ	6.298.864	34.596	+1.540 (4,5%)	36.136	227.615.749.504
3	Eloxatin	Oxaliplatin	100 mg/ 20ml	VN-19902-16	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	24	Hộp 1 lọ 20ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH, Đức	Lọ	4.943.570	35.082	+2.552 (7,3%)	37.634	186.046.313.380
4	Eloxatin	Oxaliplatin	50 mg/ 10ml	VN-19903-16	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	24	Hộp 1 lọ 10ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH, Đức	Lọ	2.973.778	29.828	+2.662 (8,9%)	32.490	96.618.047.220
TỔNG CỘNG: 04 khoản (Bằng chữ: Năm trăm chín mươi sáu tỷ, sáu trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi nghìn sáu trăm hai mươi tư đồng)															596.695.960.624



Số: 1391-2022/CV/HPC-KDXNK

V/v: *Phúc đáp Thư chấp thuận Hồ sơ yêu cầu và
trao thỏa thuận khung số 674/TTMS-NVD*

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2022

Kính gửi: Trung tâm mua sắm tập trung thuốc Quốc Gia

Liên danh Hapharco – Hoàng Đức xin gửi tới Quý Trung tâm lời chào trân trọng.

Liên danh Hapharco – Hoàng Đức đã nhận được thư chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao Thỏa thuận khung **Gói thầu 1: Cung cấp các thuốc biệt dược gốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021 (Mã hiệu: ĐPG.BDG.01.2021), số 674/TTMS-NVD ngày 03/11/2022.** Theo các nội dung trong thư, Liên danh Hapharco – Hoàng Đức xin cam kết:

1. Chấp thuận điều chỉnh số lượng các thuốc trúng thầu theo đề nghị tại Thư chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung.
2. Thực hiện biện pháp bảo đảm hợp đồng theo đúng giá trị và thời hạn hiệu lực yêu cầu tại Thư chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung.
3. Chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung với Trung tâm mua sắm tập trung thuốc Quốc gia trước ngày 12/11/2022.
4. Năng lực hiện tại của Nhà thầu vẫn đáp ứng theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT.

**ĐẠI DIỆN LIÊN DANH HAPHARCO – HOÀNG ĐỨC
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI**



ĐÌNH VĂN ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2022

THỎA THUẬN KHUNG

Số: **04** /2022/TTK-ĐPG

Về việc cung cấp một số thuốc Biệt dược gốc thuộc Gói thầu 1: Cung cấp các thuốc biệt dược gốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021 (Mã hiệu: ĐPG.BDG.01.2021)

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn Nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Quyết định số 4250/QĐ-BYT ngày 04/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn Nhà thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-TTMS ngày 29/6/2020 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc ban hành Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và danh mục Đàm phán giá (ban hành lần 3);

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-TTMS ngày 12/9/2021 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định 2990/QĐ-BYT ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp 19 thuốc



thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Thư chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung số 674/TTMS-NVD ngày 03/11/2022 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

Căn cứ công văn số 1391-2022/CV/HPC-KDXNK ngày 08/11/2022 của Liên danh Hapharco - Hoàng Đức về việc chấp thuận hoàn thiện và ký kết thỏa thuận khung;

Hôm nay, ngày 09 tháng 11 năm 2022, tại Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Chúng tôi gồm:

I. Cơ quan ký thỏa thuận khung:

- Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (sau đây viết tắt là Trung tâm MSTTQG)
- Đại diện: Ông Lê Thanh Dũng
- Chức vụ: Giám đốc Trung tâm MSTTQG
- Địa chỉ: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: 024 62732339

II. Nhà thầu cung cấp thuốc

- Tên nhà thầu: Liên danh Hapharco – Hoàng Đức
- 1. **Đại diện Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội:** Ông Đinh Văn Đông
 - Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội (*Đại diện thành viên đứng đầu Liên danh Hapharco – Hoàng Đức theo Thỏa thuận liên danh ngày 14/9/2021*)
 - Địa chỉ: Số 2 phố Hàng Bài, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
 - Điện thoại: 024 71065222
- 2. **Đại diện Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức:** Ông Nguyễn Vũ Hoàng Trung (là thành viên liên danh)
 - Chức vụ: Giám đốc
 - Địa chỉ: 12 Nguyễn Hiền, phường 4, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: 028.39293777

Hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận khung cho việc cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế trên toàn quốc theo kết quả lựa chọn nhà thầu các Gói thầu cung cấp thuốc biệt dược gốc thuộc Danh mục áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 như sau:

1. Phạm vi cung cấp

- Phạm vi cung cấp là một số mặt hàng thuốc trúng thầu Gói thầu 1: Cung cấp các thuốc biệt dược gốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021 (Mã hiệu: DPG.BDG.01.2021) theo số lượng của từng mặt hàng phân bổ cho các cơ sở y tế trên toàn quốc tại Quyết định số 2990/QĐ-BYT ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp 19 thuốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (*chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo*).

- Trên cơ sở Thỏa thuận khung này, Nhà thầu ký hợp đồng cung cấp thuốc với các cơ sở y tế trên toàn quốc theo địa bàn cung ứng được phân công như sau:

+ Đối với các cơ sở y tế tại các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hà Tĩnh, Nghệ An, Ninh Bình, Thái Bình, Hưng Yên, Quảng Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Phú Thọ, Bắc Kạn, Yên Bái, Điện Biên, Lai Châu, Thanh Hóa, Hà Nam, Nam Định, Hải Dương, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hòa Bình, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hà Giang, Lào Cai, Sơn La: Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Hà Nội thực hiện.

+ Đối với các cơ sở y tế tại các tỉnh, thành phố: Tp. Hồ Chí Minh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Lâm Đồng, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Long An, Bến Tre, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau: Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức thực hiện.

- Đối với các cơ sở y tế có sự thay đổi thông tin về tên và mã cơ sở khám, chữa bệnh được phê duyệt tại các Quyết định sau ngày ký Thỏa thuận khung này, thực hiện theo Quyết định của cơ quan ban hành.

2. Thời gian, địa điểm giao hàng:

- Nhà thầu giao hàng làm nhiều đợt cho các cơ sở y tế kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 14/11/2024 theo quy định trong hợp đồng. Các cơ sở y tế dự trù số lượng thuốc tùy theo nhu cầu thực tế của từng đơn vị; Nhà thầu phải đáp ứng cung cấp đủ số lượng, đạt chất lượng hàng hóa theo thời gian thỏa thuận với các cơ sở y tế được quy định trong hợp đồng.

- Địa điểm giao hàng: Hàng hoá được giao tại kho của các cơ sở y tế theo danh mục đính kèm tại Phụ lục 2 và tại các văn bản chấp thuận điều tiết thuốc trúng thầu của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

3. Điều kiện bàn giao hàng hóa, thanh toán, thanh lý hợp đồng

3.1. Điều kiện bàn giao hàng hóa

- Thuốc cung cấp phải bảo đảm về tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ Y tế. Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho các cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên.

- Thuốc phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy cách được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu và được Bộ Y tế phê duyệt. Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

- Có phiếu kiểm nghiệm cho từng lô thuốc theo quy định, có giấy báo lô và hạn dùng của thuốc (có thể in trên hóa đơn bán hàng) khi giao hàng.

- Về vận chuyển: Nhà thầu phải trực tiếp vận chuyển hàng hoá đến kho của các cơ sở y tế theo danh mục đính kèm tại Phụ lục 2 và tại các văn bản chấp thuận điều tiết thuốc trúng thầu của cơ quan có thẩm quyền (nếu có). Nhà thầu phải chịu mọi chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng, phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình vận chuyển như: bảo quản lạnh, chống nắng, nóng ẩm mốc v.v..., phương tiện vận chuyển, quy trình vận chuyển phải phù hợp với nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP” mà Nhà thầu đã đạt được.

3.2. Điều kiện thanh toán

- Phương thức thanh toán: Các cơ sở y tế ký hợp đồng mua bán với Nhà thầu thực hiện thanh toán cho Nhà thầu bằng chuyển khoản hoặc hình thức phù hợp theo quy định hiện hành.

- Thời hạn thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi Nhà thầu giao hàng và xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng quy định của pháp luật (phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán được cụ thể trong hợp đồng).

- Đối với các cơ sở y tế tư nhân, phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán sẽ theo thỏa thuận cụ thể giữa nhà thầu và cơ sở y tế trong hợp đồng.

3.3. Thanh lý hợp đồng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Mức giá trần tương ứng với từng loại hàng hóa

- Đơn giá thuốc trong hợp đồng mua sắm hàng hoá được ký kết giữa Nhà thầu với các cơ sở y tế không cao hơn giá trúng thầu đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định số 2990/QĐ-BYT ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp 19 thuốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

5. Hướng dẫn sử dụng hàng hóa, điều kiện bảo hành

- Hàng hóa cung cấp có nhãn đúng quy định về nhãn thuốc, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam.

- Nhà thầu phải thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

- Kiểm tra, thử nghiệm hàng hoá thực hiện theo quy định trong Điều kiện chung nêu tại Chương V và Điều kiện cụ thể nêu tại Chương VI của Hồ sơ yêu cầu.

6. Trách nhiệm của Nhà thầu trong việc cung cấp hàng hóa

- Trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký kết Thỏa thuận khung với Trung tâm MSTTQG, Nhà thầu có trách nhiệm ký kết hợp đồng mua bán thuốc với các cơ sở y tế theo số lượng của từng mặt hàng đã phân bổ cho từng cơ sở y tế theo Phạm vi cung ứng thuốc chi tiết tại Phụ lục 2 và gửi 01 bản scan hợp đồng đã ký về hòm thư điện tử của Trung tâm theo địa chỉ ngniepvduoc.ttms@gmail.com và ngniepvduoc.ttms@moh.gov.vn.

- Cung ứng đầy đủ thuốc và đúng tiến độ theo đúng chủng loại, số lượng, đơn giá không cao hơn giá trúng thầu thông qua đàm phán giá đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt. Đảm bảo duy trì lượng thuốc tồn kho tối thiểu để cung ứng cho các cơ sở y tế trên toàn quốc trung bình 01 tháng.

- Trên cơ sở số lượng tồn kho thực tế, Nhà thầu sẽ giao hàng tới các cơ sở y tế ngay khi hoàn thành ký kết hợp đồng cung ứng thuốc và nhận được đặt hàng từ các cơ sở y tế.

- Thực hiện cung ứng thuốc theo yêu cầu trong điều kiện chung nêu tại Chương V, điều kiện cụ thể nêu tại Chương VI trong Hồ sơ yêu cầu và nội dung cam kết của Nhà thầu được nêu tại Hồ sơ yêu cầu, hợp đồng đã ký giữa nhà thầu với các cơ sở y tế.

- Thực hiện chế độ báo cáo cho Trung tâm MSTTQG về khả năng cung ứng và tình hình thực hiện hợp đồng, bàn giao, tiếp nhận thuốc theo định kỳ

hàng tháng, hàng quý theo quy trình báo cáo và điều tiết do Trung tâm MSTTQG ban hành và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

- Trường hợp các cơ sở y tế có nhu cầu mua tăng thêm hoặc đã được Đơn vị Mua sắm tập trung cấp địa phương/Sở Y tế/Trung tâm MSTTQG chấp nhận điều tiết các thuốc trúng thầu, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/QĐ-TTMS ngày 29/6/2020 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc ban hành Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và danh mục Đàm phán giá (ban hành lần 3).

- Các thuốc đề nghị trúng thầu có giấy đăng ký lưu hành hết hiệu lực trước khi Thỏa thuận khung hết hiệu lực, Nhà thầu phối hợp với cơ sở đăng ký thuốc thực hiện theo quy định để thuốc tiếp tục được gia hạn số giấy đăng ký lưu hành hoặc phối hợp với nhà sản xuất có kế hoạch dự trữ tồn kho để bảo đảm cung ứng cho các cơ sở y tế trong suốt thời gian thực hiện Thỏa thuận khung.

- Các văn bản chấp thuận việc điều tiết các thuốc trúng thầu tại Phụ lục 1 và các văn bản thay thế thuốc trúng thầu trong quá trình thực hiện thỏa thuận khung do Trung tâm MSTTQG ban hành là một bộ phận không tách rời của Thỏa thuận khung này. Các điều khoản khác trong Thỏa thuận khung không thay đổi và vẫn có giá trị áp dụng đối với các bên.

7. Trách nhiệm của cơ sở y tế

- Hoàn thiện và ký hợp đồng cung cấp thuốc với Nhà thầu trong thời gian 45 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực theo danh mục, số lượng, chủng loại với giá không vượt quá giá trúng thầu thông qua đàm phán giá đã được Bộ trưởng Bộ y tế phê duyệt.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày ký cho đến hết ngày 14/11/2024.

- Thanh toán và thanh lý hợp đồng với Nhà thầu cung ứng thuốc theo quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế.

- Bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất để tiếp nhận, bảo quản, quản lý, sử dụng thuốc trong công tác khám chữa bệnh theo quy định.

- Báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu tại địa chỉ www.ttms.moh.gov.vn theo Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và danh mục Đàm phán giá do Trung tâm MSTTQG ban hành, cụ thể:

+ Trước ngày 10 tháng đầu tiên của mỗi quý hoặc đột xuất theo yêu cầu, cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn gửi báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu theo hình thức đàm phán về Sở Y tế/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương tương ứng để tổng hợp, báo cáo Trung tâm MSTTQG.

+ Trước ngày 15 tháng đầu tiên của mỗi quý hoặc đột xuất theo yêu cầu, cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế báo cáo quá trình thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia gửi về Trung tâm MSTTQG.

+ Báo cáo ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng để xem xét giải quyết.

- Các cơ sở y tế bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã đề nghị tổng hợp nhu cầu và đã được phân bổ trong Thỏa thuận khung.

- Các cơ sở y tế thực hiện việc thanh toán cho nhà thầu theo đúng quy định được nêu trong điều kiện chung, điều kiện cụ thể của mẫu hợp đồng và tại mục 3.2 Thỏa thuận khung.

- Trường hợp các cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn có nhu cầu sử dụng tăng thêm trên 20% số lượng được phân bổ trong Thỏa thuận khung, các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế có nhu cầu sử dụng tăng thêm số lượng thuốc được phân bổ trong Thỏa thuận khung hoặc cơ sở y tế phát sinh nhu cầu sử dụng nhưng chưa được phân bổ trong Thỏa thuận khung do chưa tổng hợp nhu cầu khi xây dựng kế hoạch, việc mua tăng thêm số lượng thuốc và trách nhiệm của các cơ sở y tế thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/QĐ-TTMS ngày 29/6/2020 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc ban hành Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và danh mục Đàm phán giá (ban hành lần 3).

- Đối với các Hợp đồng đang thực hiện hoặc các gói thầu đã phát hành Hồ sơ mời thầu trước thời điểm công bố kết quả của các thuốc biệt dược gốc đã trúng thầu theo hình thức đàm phán giá năm 2021, cơ sở y tế phải thực hiện điều chỉnh giá thuốc không vượt mức giá đàm phán đã công bố, thời điểm áp dụng theo thời điểm thỏa thuận khung có hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Cơ sở y tế không tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp các thuốc biệt dược gốc nếu tại thời điểm phát hành Hồ sơ mời thầu đã có kết quả lựa chọn nhà thầu theo hình thức đàm phán giá và Thỏa thuận khung được công bố theo quy định

tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.

- Các văn bản liên quan đến điều tiết số lượng các thuốc trúng thầu là một bộ phận không tách rời của Thỏa thuận khung này. Các điều khoản khác trong Thỏa thuận khung không thay đổi và có giá trị áp dụng đối với các bên.

- Các văn bản thay thế thuốc trúng thầu trong quá trình thực hiện thỏa thuận khung do Trung tâm MSTTQG ban hành là một bộ phận không tách rời của Thỏa thuận khung này. Các điều khoản khác trong Thỏa thuận khung không thay đổi và vẫn có giá trị áp dụng đối với các bên.

8. Trách nhiệm của các Sở Y tế/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/y tế các bộ ngành

- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và Thỏa thuận khung đến các cơ sở y tế thuộc phạm vi quản lý theo Phụ lục 2 của Thỏa thuận khung.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà thầu trong việc thương thảo và ký hợp đồng với các cơ sở y tế.

- Trước ngày 15 tháng đầu tiên của mỗi quý hoặc đột xuất theo yêu cầu, Đơn vị mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương/Sở Y tế các tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc trúng thầu của các cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn tại địa chỉ www.ttms.moh.gov.vn theo Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và đàm phán giá do Trung tâm MSTTQG ban hành.

- Báo cáo ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng tại các cơ sở y tế địa phương/cơ sở y tế thuộc Bộ, ngành trên địa bàn với Trung tâm MSTTQG để giải quyết.

- Phối hợp với Trung tâm MSTTQG trong việc điều tiết thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu của các cơ sở y tế để bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã được phân bổ trong Thỏa thuận khung theo đúng quy định tại khoản 13, Điều 40 và khoản 5 Điều 46 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế và Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và Danh mục Đàm phán giá do Trung tâm MSTTQG ban hành.

- Thực hiện việc điều tiết đối với trường hợp cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn có nhu cầu sử dụng thuốc vượt

quá 20% số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung nhưng bảo đảm không vượt quá 20% tổng số lượng được phân bổ trong thỏa thuận khung cho các đơn vị thuộc phạm vi cung cấp tại địa phương theo các bước hướng dẫn và quy định tại Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và đàm phán giá do Trung tâm MSTTQG ban hành để bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã đề nghị tổng hợp nhu cầu và được phân bổ trong Thỏa thuận khung.

- Trường hợp nhu cầu sử dụng thuốc của các cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn vượt quá khả năng điều tiết của Đơn vị mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương hoặc cơ sở y tế phát sinh nhu cầu sử dụng mặt hàng thuốc nhưng chưa tổng hợp nhu cầu khi xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương/Sở Y tế các tỉnh, thành phố có trách nhiệm xem xét số lượng phát sinh nhu cầu của cơ sở y tế và có ý kiến bằng văn bản gửi Trung tâm MSTTQG để điều tiết số lượng thuốc giữa các đơn vị theo Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và đàm phán giá do Trung tâm MSTTQG ban hành.

9. Trách nhiệm của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia

- Trung tâm công khai Thỏa thuận khung trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế và thông báo bằng văn bản đến Sở Y tế các tỉnh, thành phố/Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương/Y tế các Bộ, ngành và cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế.

- Cung cấp các thông tin cần thiết để các đơn vị trúng thầu tiến hành ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các cơ sở y tế.

- Phối hợp với Nhà thầu và các Sở Y tế/đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/y tế các bộ ngành, các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế để giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình cung cấp thuốc tại các cơ sở y tế (nếu có).

- Giám sát, quản lý tình hình cung ứng thuốc của Nhà thầu để đảm bảo việc cung ứng đầy đủ, kịp thời và đúng tiến độ theo quy định tại Thỏa thuận khung.

- Trách nhiệm tổng hợp báo cáo và điều tiết không vượt quá 30% tổng số lượng đã được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 13 Điều 40 và khoản 5 Điều 46 Thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ y tế và thực hiện theo quy trình tại Quyết định số 26/QĐ-TTMS ngày 29/6/2020 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

- Hàng Quý, Trung tâm có công văn tổng hợp tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu đến các cơ sở y tế và đơn đốc các cơ sở y tế thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu để đảm bảo số lượng sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế.

- Xử lý vi phạm của Nhà thầu theo quy định đồng thời thông báo cho các Sở Y tế/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/y tế các bộ ngành, các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế trong trường hợp Nhà thầu không có khả năng cung cấp thuốc cho cơ sở y tế.

10. Hiệu lực và thời hạn thực hiện Thỏa thuận khung

- Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ sở y tế ký hợp đồng mua thuốc với Nhà thầu cung cấp thuốc.

- Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung: Kể từ ngày 15/11/2022 đến hết ngày 14/11/2024.

11. Xử phạt do vi phạm

- Việc xử phạt do vi phạm các điều khoản của Thỏa thuận khung/Hợp đồng đã ký kết được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Thỏa thuận khung này được làm thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM THIẾT
BỊ Y TẾ HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
HOÀNG ĐỨC
GIÁM ĐỐC**

ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

GIÁM ĐỐC



Đinh Văn Đông



Nguyễn Vũ Hoàng Trung



Lê Thanh Dũng

PHỤ LỤC I: DANH MỤC TỔNG HỢP THUỐC CUNG CẤP CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ

(Kèm theo Thỏa thuận khung số 04 /2022/TTK-ĐPG ký ngày 09/11/2022 giữa Trung tâm MSTTQG và Liên danh Hapharco – Hoàng Đức)

Gói thầu 1: Cung cấp các thuốc biệt dược gốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021

TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	SĐK	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng (tháng)	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	ĐVT	Đơn giá (có VAT, VND)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
1	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	VN-20265-17	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	24	Hộp 1 lọ x 1ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH, Đức	Lọ	1.856.170	46.556	86.415.850.520
2	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	VN-20266-17	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	36	Hộp 1 lọ x 4ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH, Đức	Lọ	6.298.864	36.136	227.615.749.504
3	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	VN-19902-16	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	24	Hộp 1 lọ 20ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH, Đức	Lọ	4.943.570	37.634	186.046.313.380
4	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	VN-19903-16	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	24	Hộp 1 lọ 10ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH, Đức	Lọ	2.973.778	32.490	96.618.047.220
TỔNG CỘNG: 04 khoản (Bằng chữ: Năm trăm chín mươi sáu tỷ sáu trăm chín mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi nghìn sáu trăm hai mươi tư đồng)													596.695.960.624

PHỤ LỤC 2: PHẠM VI CUNG CẤP THUỐC CHI TIẾT CHO TỪNG CƠ SỞ Y TẾ

(Kèm theo Thỏa thuận khung số **04**/2022/TTK-ĐPG ký ngày 09/11/2022 giữa Trung tâm MSTTQG và Liên danh Hapharco – Hoàng Đức)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miễn
I	Taxotere 20mg/1ml										
1	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	6.450	11.972.296.500	01906	Bệnh viện K	Bộ Y tế	Bắc
2	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	840	1.559.182.800	01909	Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung Ương	Bộ Y tế	Bắc
3	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	800	1.484.936.000	01910	Bệnh viện Phổi Trung ương	Bộ Y tế	Bắc
4	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	600	1.113.702.000	01934	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
5	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	450	835.276.500	01905	Bệnh viện Phụ sản Trung Ương	Bộ Y tế	Bắc
6	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	2.200	4.083.574.000	01929	Bệnh viện Bạch Mai	Bộ Y tế	Bắc
7	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	98	181.904.660	01001	Bệnh viện Hữu Nghị	Bộ Y tế	Bắc
8	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	80	148.493.600	01007	Bệnh viện E	Bộ Y tế	Bắc
9	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	4.000	7.424.680.000	01916	Bệnh viện Ung bướu Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
10	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	600	1.113.702.000	01014	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
11	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	600	1.113.702.000	01009	Bệnh viện Bưu điện	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
12	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	375	696.063.750	01043	Bệnh viện 19-8, Bộ Công An	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
13	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	320	593.974.400	01927	Viện Y học phóng xạ và U bướu Quân đội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
14	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	240	445.480.800	01161	CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
15	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	160	296.987.200	01016	Bệnh viện Quân Y 103	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
16	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	80	148.493.600	01816	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
17	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	64	118.794.880	33033	Bệnh viện đa khoa Phố Nối	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
18	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	40	74.246.800	36001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định	Sở Y Tế Nam Định	Bắc
19	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	50	92.808.500	25001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Phú Thọ	Bắc
20	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	120	222.740.400	22002	Bệnh viện Bãi Cháy	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
21	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	50	92.808.500	22001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
22	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	22	40.835.740	22030	Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển - Uông bí	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
23	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	300	556.851.000	26001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
24	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	220	408.357.400	26193	Bệnh viện Hữu nghị Lạc Việt	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
25	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	56	103.945.520	26009	Bệnh viện quân y 109 - Cục Hậu cần - Quân khu 2	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
26	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	416	772.166.720	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
27	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	32	59.397.440	31031	Bệnh viện Kiến An	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
28	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	184	341.535.280	44005	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới Quảng Bình	Bộ Y tế	Trung
29	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	172	319.261.240	46001	Bệnh viện Trung ương Huế	Bộ Y tế	Trung
30	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	160	296.987.200	49013	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Bộ Y tế	Trung
31	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	110	204.178.700	52001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Bình Định	Trung
32	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	828	1.536.908.760	48001	Bệnh viện Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
33	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	220	408.357.400	48126	Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
34	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	80	148.493.600	42012	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	Trung
35	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	100	185.617.000	56012	Bệnh viện quân y 87	Sở Y Tế Khánh Hòa	Trung
36	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	100	185.617.000	56001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	Sở Y Tế Khánh Hòa	Trung
37	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	577	1.071.010.090	40149	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
38	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	20	37.123.400	54001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Phú Yên	Trung
39	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	20	37.123.400	38120	Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
40	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	100	185.617.000	46002	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Trung
41	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	2.000	3.712.340.000	79048	Bệnh viện Chợ Rẫy	Bộ Y tế	Nam
42	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	650	1.206.510.500	79431	Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM	Bộ Y tế	Nam
43	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	490	909.523.300	79025	Bệnh viện Thống Nhất	Bộ Y tế	Nam
44	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	20	37.123.400	92115	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	Bộ Y tế	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
45	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	540	1.002.331.800	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Sở Y Tế Bến Tre	Nam
46	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	70	129.931.900	91001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	Sở Y Tế Kiên Giang	Nam
47	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	460	853.838.200	92086	Bệnh viện Ung bướu Thành phố Cần Thơ	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	Nam
48	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	83	154.062.110	82001	Bệnh viện đa khoa trung tâm Tiền Giang	Sở Y Tế Tiền Giang	Nam
49	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	16.800	31.183.656.000	79423	Bệnh viện Ung Bướu	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
50	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	920	1.707.676.400	79037	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
51	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	400	742.468.000	79400	Bệnh viện Hùng Vương	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
52	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	228	423.206.760	79499	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
53	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	216	400.932.720	79034	Bệnh viện quân y 175	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
54	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	200	371.234.000	79397	Bệnh viện Bình Dân	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
55	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	184	341.535.280	79075	Bệnh viện Lê Văn Thịnh	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
56	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	180	334.110.600	79030	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
57	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	114	211.603.380	79013	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
58	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	48	89.096.160	79014	Bệnh viện Nguyễn Trãi	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
59	Taxotere	Docetaxel	20mg/1ml	Lọ	1.856.170	1.019	1.891.437.230	79058	Bệnh Viện Đa Khoa Tư Nhân Triều An	Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh - Khối cơ sở y tế tư nhân	Nam
Tổng cộng: 59 khoản.						46.556	86.415.850.520				
II	Taxotere 80mg/4ml										
1	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	4.300	27.085.115.200	01906	Bệnh viện K	Bộ Y tế	Bắc
2	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	600	3.779.318.400	01909	Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung Ương	Bộ Y tế	Bắc
3	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	500	3.149.432.000	01910	Bệnh viện Phổi Trung ương	Bộ Y tế	Bắc
4	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	450	2.834.488.800	01905	Bệnh viện Phụ sản Trung Ương	Bộ Y tế	Bắc
5	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	350	2.204.602.400	01934	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
6	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	1.760	11.086.000.640	01929	Bệnh viện Bạch Mai	Bộ Y tế	Bắc
7	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	120	755.863.680	01001	Bệnh viện Hữu Nghị	Bộ Y tế	Bắc

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
8	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	80	503.909.120	01007	Bệnh viện E	Bộ Y tế	Bắc
9	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	4.000	25.195.456.000	01916	Bệnh viện Ung bướu Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
10	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	320	2.015.636.480	01927	Viện Y học phóng xạ và U bướu Quân đội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
11	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	236	1.486.531.904	01009	Bệnh viện Bưu điện	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
12	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	210	1.322.761.440	01043	Bệnh viện 19-8, Bộ Công An	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
13	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	200	1.259.772.800	01161	CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
14	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	200	1.259.772.800	01014	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
15	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	80	503.909.120	01016	Bệnh viện Quân Y 103	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
16	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	40	251.954.560	01816	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
17	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	64	403.127.296	33033	Bệnh viện đa khoa Phố Nối	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
18	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	100	629.886.400	37101	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Ninh Bình	Bắc
19	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	100	629.886.400	25001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Phú Thọ	Bắc
20	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	60	377.931.840	22002	Bệnh viện Bãi Cháy	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
21	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	40	251.954.560	22001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
22	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	22	138.575.008	22030	Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển - Uông bí	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
23	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	150	944.829.600	26001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
24	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	110	692.875.040	26193	Bệnh viện Hữu nghị Lạc Việt	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
25	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	232	1.461.336.448	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
26	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	22	138.575.008	31031	Bệnh viện Kiến An	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
27	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	188	1.184.186.432	46001	Bệnh viện Trung ương Huế	Bộ Y tế	Trung
28	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	160	1.007.818.240	49013	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Bộ Y tế	Trung
29	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	136	856.645.504	44005	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới Quảng Bình	Bộ Y tế	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miễn
30	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	26	163.770.464	48002	Bệnh viện C Đà Nẵng	Bộ Y tế	Trung
31	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	110	692.875.040	52001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Bình Định	Trung
32	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	756	4.761.941.184	48001	Bệnh viện Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
33	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	240	1.511.727.360	48126	Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
34	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	40	251.954.560	42012	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	Trung
35	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	120	755.863.680	56001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	Sở Y Tế Khánh Hòa	Trung
36	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	374	2.355.775.136	40149	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
37	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	5	31.494.320	54001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Phú Yên	Trung
38	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	100	629.886.400	46002	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Trung
39	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	2.000	12.597.728.000	79048	Bệnh viện Chợ Rẫy	Bộ Y tế	Nam
40	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	290	1.826.670.560	79431	Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM	Bộ Y tế	Nam
41	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	175	1.102.301.200	79025	Bệnh viện Thống Nhất	Bộ Y tế	Nam
42	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	16	100.781.824	92115	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	Bộ Y tế	Nam
43	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	96	604.690.944	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Sở Y Tế Bến Tre	Nam
44	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	460	2.897.477.440	92086	Bệnh viện Ung bướu Thành phố Cần Thơ	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	Nam
45	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	44	277.150.016	82001	Bệnh viện đa khoa trung tâm Tiền Giang	Sở Y Tế Tiền Giang	Nam
46	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	14.500	91.333.528.000	79423	Bệnh viện Ung Bướu	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
47	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	960	6.046.909.440	79037	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
48	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	320	2.015.636.480	79397	Bệnh viện Bình Dân	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
49	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	180	1.133.795.520	79030	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
50	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	146	919.634.144	79499	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
51	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	108	680.277.312	79034	Bệnh viện quân y 175	Sở Y Tế TP. HCM	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
52	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	104	655.081.856	79400	Bệnh viện Hùng Vương	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
53	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	88	554.300.032	79075	Bệnh viện Lê Văn Thịnh	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
54	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Lọ	6.298.864	48	302.345.472	79014	Bệnh viện Nguyễn Trãi	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
Tổng cộng: 54 khoản.						36.136	227.615.749.504				
III	Eloxatin 100mg/20ml										
1	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	3.500	17.302.495.000	01906	Bệnh viện K	Bộ Y tế	Bắc
2	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	800	3.954.856.000	01901	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	Bộ Y tế	Bắc
3	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	600	2.966.142.000	01934	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
4	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	2.772	13.703.576.040	01929	Bệnh viện Bạch Mai	Bộ Y tế	Bắc
5	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	120	593.228.400	01007	Bệnh viện E	Bộ Y tế	Bắc
6	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	40	197.742.800	01001	Bệnh viện Hữu Nghị	Bộ Y tế	Bắc
7	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	4.000	19.774.280.000	01916	Bệnh viện Ung bướu Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
8	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	500	2.471.785.000	01009	Bệnh viện Bưu điện	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
9	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	280	1.384.199.600	01161	CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
10	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	200	988.714.000	01014	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
11	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	200	988.714.000	01927	Viện Y học phóng xạ và U bướu Quân đội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
12	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	140	692.099.800	01816	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
13	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	100	494.357.000	01043	Bệnh viện 19-8, Bộ Công An	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
14	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	50	247.178.500	01016	Bệnh viện Quân Y 103	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
15	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	120	593.228.400	33033	Bệnh viện đa khoa Phở Nổi	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
16	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	80	395.485.600	37101	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Ninh Bình	Bắc
17	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	30	148.307.100	25001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Phú Thọ	Bắc
18	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	240	1.186.456.800	22002	Bệnh viện Bãi Cháy	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
19	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	108	533.905.560	22030	Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển - Uông bí	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
20	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	90	444.921.300	22001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
21	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	300	1.483.071.000	26001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
22	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	264	1.305.102.480	26193	Bệnh viện Hữu nghị Lạc Việt	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
23	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	168	830.519.760	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
24	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	16	79.097.120	31031	Bệnh viện Kiến An	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
25	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	480	2.372.913.600	48002	Bệnh viện C Đà Nẵng	Bộ Y tế	Trung
26	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	92	454.808.440	44005	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới Quảng Bình	Bộ Y tế	Trung
27	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	45	222.460.650	52001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Bình Định	Trung
28	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	252	1.245.779.640	48126	Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
29	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	136	672.325.520	48001	Bệnh viện Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
30	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	300	1.483.071.000	56012	Bệnh viện quân y 87	Sở Y Tế Khánh Hòa	Trung
31	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	150	741.535.500	56001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	Sở Y Tế Khánh Hòa	Trung
32	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	111	548.736.270	40149	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
33	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	10	49.435.700	54001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Phú Yên	Trung
34	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	90	444.921.300	51001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
35	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	50	247.178.500	38744	Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
36	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	200	988.714.000	46002	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Trung
37	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	5.000	24.717.850.000	79048	Bệnh viện Chợ Rẫy	Bộ Y tế	Nam
38	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	2.500	12.358.925.000	79025	Bệnh viện Thống Nhất	Bộ Y tế	Nam
39	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	650	3.213.320.500	79431	Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM	Bộ Y tế	Nam
40	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	520	2.570.656.400	92000	Bệnh viện đa khoa Trung Ương Cần Thơ	Bộ Y tế	Nam
41	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	200	988.714.000	92115	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	Bộ Y tế	Nam
42	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	90	444.921.300	89012	Bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang	Sở Y Tế An Giang	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
43	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	260	1.285.328.200	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Sở Y Tế Bến Tre	Nam
44	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	230	1.137.021.100	92086	Bệnh viện Ung bướu Thành phố Cần Thơ	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	Nam
45	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	114	563.566.980	82001	Bệnh viện đa khoa trung tâm Tiền Giang	Sở Y Tế Tiền Giang	Nam
46	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	7.300	36.088.061.000	79423	Bệnh viện Ung Bướu	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
47	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	864	4.271.244.480	79034	Bệnh viện quân y 175	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
48	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	720	3.559.370.400	79024	Bệnh viện Nhân Dân 115	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
49	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	700	3.460.499.000	79397	Bệnh viện Bình Dân	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
50	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	640	3.163.884.800	79030	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
51	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	560	2.768.399.200	79037	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
52	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	552	2.728.850.640	79075	Bệnh viện Lê Văn Thịnh	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
53	Eloxatin	Oxaliplatin	100mg/20ml	Lọ	4.943.570	100	494.357.000	79036	Bệnh viện Đa khoa Khu Vực Thủ Đức	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
Tổng cộng: 53 khoản.						37.634	186.046.313.380				
IV	Eloxatin 50mg/10ml										
1	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	3.870	11.508.520.860	01906	Bệnh viện K	Bộ Y tế	Bắc
2	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	700	2.081.644.600	01901	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	Bộ Y tế	Bắc
3	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	600	1.784.266.800	01934	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
4	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	2.882	8.570.428.196	01929	Bệnh viện Bạch Mai	Bộ Y tế	Bắc
5	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	160	475.804.480	01001	Bệnh viện Hữu Nghị	Bộ Y tế	Bắc
6	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	120	356.853.360	01007	Bệnh viện E	Bộ Y tế	Bắc
7	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	4.000	11.895.112.000	01916	Bệnh viện Ung bướu Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
8	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	850	2.527.711.300	01009	Bệnh viện Bưu điện	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
9	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	400	1.189.511.200	01927	Viện Y học phóng xạ và U bướu Quân đội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
10	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	229	680.995.162	01043	Bệnh viện 19-8, Bộ Công An	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
11	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	200	594.755.600	01014	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
12	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	140	416.328.920	01816	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
13	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	120	356.853.360	01161	CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
14	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	95	282.508.910	01016	Bệnh viện Quân Y 103	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
15	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	64	190.321.792	33033	Bệnh viện đa khoa Phố Nối	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
16	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	20	59.475.560	25001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Phú Thọ	Bắc
17	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	120	356.853.360	22002	Bệnh viện Bãi Cháy	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
18	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	70	208.164.460	22001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
19	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	396	1.177.616.088	26193	Bệnh viện Hữu nghị Lạc Việt	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
20	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	104	309.272.912	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
21	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	8	23.790.224	31031	Bệnh viện Kiến An	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
22	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	820	2.438.497.960	46001	Bệnh viện Trung ương Huế	Bộ Y tế	Trung
23	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	240	713.706.720	49013	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Bộ Y tế	Trung
24	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	110	327.115.580	52001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Bình Định	Trung
25	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	756	2.248.176.168	48001	Bệnh viện Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
26	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	156	463.909.368	48201	Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec - Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
27	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	80	237.902.240	42012	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	Trung
28	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	150	446.066.700	56001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	Sở Y Tế Khánh Hòa	Trung
29	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	900	2.676.400.200	40149	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
30	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	15	44.606.670	54001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Phú Yên	Trung
31	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	90	267.640.020	51001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
32	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	30	89.213.340	38744	Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
33	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	5.000	14.868.890.000	79025	Bệnh viện Thống Nhất	Bộ Y tế	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
34	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	2.000	5.947.556.000	79048	Bệnh viện Chợ Rẫy	Bộ Y tế	Nam
35	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	1.680	4.995.947.040	79431	Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM	Bộ Y tế	Nam
36	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	340	1.011.084.520	92000	Bệnh viện đa khoa Trung Ương Cần Thơ	Bộ Y tế	Nam
37	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	300	892.133.400	92115	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	Bộ Y tế	Nam
38	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	92	273.587.576	89012	Bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang	Sở Y Tế An Giang	Nam
39	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	670	1.992.431.260	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Sở Y Tế Bến Tre	Nam
40	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	180	535.280.040	96001	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	Sở Y Tế Cà Mau	Nam
41	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	210	624.493.380	91001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	Sở Y Tế Kiên Giang	Nam
42	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	115	341.984.470	92086	Bệnh viện Ung bướu Thành phố Cần Thơ	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	Nam
43	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	1.800	5.352.800.400	79423	Bệnh viện Ung Bướu	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
44	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	560	1.665.315.680	79037	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
45	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	448	1.332.252.544	79034	Bệnh viện quân y 175	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
46	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	300	892.133.400	79030	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
47	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	200	594.755.600	79036	Bệnh viện Đa khoa Khu Vực Thủ Đức	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
48	Eloxatin	Oxaliplatin	50mg/10ml	Lọ	2.973.778	100	297.377.800	79058	Bệnh Viện Đa Khoa Tư Nhân Triều An	Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh - Khối cơ sở y tế tư nhân	Nam
Tổng cộng: 48 khoản.						32.490	96.618.047.220				

SBG 228505

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2022

THƯ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Kính gửi: CÁC CƠ SỞ Y TẾ THỰC HIỆN KÝ HỢP ĐỒNG VÀ THỤ HƯỞNG BẢO LÃNH
(THEO DANH SÁCH PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM)

Theo đề nghị của Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu “Gói thầu 1: Cung cấp các thuốc biệt dược gốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021 (Mã hiệu DPG.BDG.01.2021)” và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp thuốc cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);

Theo quy định trong HSYC (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho các cơ sở y tế bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Sở Giao dịch có trụ sở đăng ký tại Một phần Tầng 1 Tòa nhà tại số 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là **7.547.668.362 VNĐ (Bằng chữ: Bảy tỷ năm trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng)**. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không huỷ ngang cho các cơ sở y tế trong phụ lục bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn **7.547.668.362 VNĐ (Bằng chữ: Bảy tỷ năm trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng)** như đã nêu trên, khi có văn bản của cơ sở y tế trong phụ lục thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày 14/12/2024.

Bên nhận bảo lãnh có thể xác thực mọi thông tin về Thư bảo lãnh này bằng cách:

- Nhắn tin theo cú pháp **SB BL <Số seri thư bảo lãnh>** đến số **6089**;
- Gọi điện về tổng đài của SeABank số **1900 555 587**;
- Gửi công văn đề nghị xác thực bảo lãnh về Vận hành Khách hàng Doanh nghiệp Lớn – Chi nhánh Sở Giao dịch tại địa chỉ: Một phần Tầng 1 Tòa nhà tại số 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. ✎

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG

(Ký tên, đóng dấu)



CHAM ĐỐC VẬN HÀNH KHON LON
Nguyễn Quý Dương

syt_binhphuoc_vt_Van thu SYT Binh Phuoc_10/11/2022 20:56:29



www.seabank.com.vn

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á (SEABANK)

Hội sở: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (+84 24) 3944 8688 | Fax: (+84 24) 3944 9038

Email: contact@seabank.com.vn

**SeABank****Kết nối giá trị cuộc sống**

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ Y TẾ THỤ HƯỞNG
BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

*(Kèm theo Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số SBG228505 ngày 08/11/2022
của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Sở Giao dịch)*

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị trúng thầu được phân bổ (VNĐ)	Giá trị bảo lãnh (VNĐ)
1	01906	Bệnh viện K	Hà Nội	67.868.427.560	2.036.052.827
2	01909	Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung Ương	Hà Nội	5.338.501.200	160.155.036
3	01910	Bệnh viện Phổi Trung ương	Hà Nội	4.634.368.000	139.031.040
4	01934	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Hà Nội	8.068.713.200	242.061.396
5	01905	Bệnh viện Phụ sản Trung Ương	Hà Nội	3.669.765.300	110.092.959
6	01929	Bệnh viện Bạch Mai	Hà Nội	37.443.578.876	1.123.307.366
7	01001	Bệnh viện Hữu Nghị	Hà Nội	1.611.315.620	48.339.469
8	01007	Bệnh viện E	Hà Nội	1.602.484.480	48.074.534
9	01916	Bệnh viện Ung bướu Hà Nội	Hà Nội	64.289.528.000	1.928.685.840
10	01014	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	Hà Nội	3.956.944.400	118.708.332
11	01009	Bệnh viện Bưu điện	Hà Nội	7.599.730.204	227.991.906
12	01043	Bệnh viện 19-8, Bộ Công An	Hà Nội	3.194.177.352	95.825.321
13	01927	Viện Y học phóng xạ và U bướu Quân đội	Hà Nội	4.787.836.080	143.635.082
14	01161	CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC	Hà Nội	3.446.306.560	103.389.197
15	01016	Bệnh viện Quân Y 103	Hà Nội	1.330.583.730	39.917.512
16	01816	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Hà Nội	1.508.876.880	45.266.306
17	33033	Bệnh viện đa khoa Phố Nối	Hưng Yên	1.305.472.368	39.164.171
18	36001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định	Nam Định	74.246.800	2.227.404
19	25001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Phú Thọ	930.477.560	27.914.327
20	22002	Bệnh viện Bãi Cháy	Quảng Ninh	2.143.982.400	64.319.472
21	22001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Quảng Ninh	997.848.820	29.935.465
22	22030	Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển - Uông Bí	Quảng Ninh	713.316.308	21.399.489
23	26001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2.984.751.600	89.542.548

24	26193	Bệnh viện Hữu nghị Lạc Việt	Vĩnh Phúc	3.583.951.008	107.518.530
25	26009	Bệnh viện quân y 109 - Cục Hậu cần - Quân khu 2	Vĩnh Phúc	103.945.520	3.118.366
26	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Hải Phòng	3.373.295.840	101.198.875
27	31031	Bệnh viện Kiến An	Hải Phòng	300.859.792	9.025.794
28	42012	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	638.350.400	19.150.512
29	40149	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Nghệ An	6.651.921.696	199.557.651
30	38120	Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân	Thanh Hóa	37.123.400	1.113.702
31	37101	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Ninh Bình	1.025.372.000	30.761.160
32	01901	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	Hà Nội	6.036.500.600	181.095.018
33	38744	Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa	336.391.840	10.091.755
Tổng				251.588.945.394	7.547.668.362

[Handwritten signature and initials]

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á
SỐ: 323/2020/GUQ-CTHQQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;
- Căn cứ vào tình hình thực tế của Ngân hàng và nhu cầu của Khách hàng;

Hôm nay, ngày 17 tháng 03 năm 2020, tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, địa chỉ 25 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm:

Người ủy quyền: Ông Lê Văn Tản

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Là đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (sau đây gọi tắt là SeABank)
- Giấy chứng minh nhân dân số: 012515468
- Ngày cấp: 29/08/2008 Nơi cấp: CA Hà Nội.

(Sau đây gọi là "Bên A")

Người được ủy quyền: Ông Lê Quốc Long

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc thường trực Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Số thẻ CCCD: 022065000324 cấp ngày 15/03/2016
- Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và QLQG về Dân cư.

(Sau đây gọi là "Bên B")

Bằng văn bản này, Bên A ủy quyền cho Bên B đại diện, nhân danh SeABank để thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các công việc theo nội dung sau:

I. Nội dung và phạm vi ủy quyền.

Người được ủy quyền được ký các văn bản giao dịch trong quan hệ kinh doanh với Khách hàng là Công ty cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội (Hapharco) sau khi được Cấp có thẩm quyền phê duyệt tín dụng của SeABank phê duyệt theo đúng quy định của SeABank và pháp luật. Người được ủy quyền thực hiện các công việc thuộc nghiệp vụ hỗ trợ và xử lý tín dụng sau phê duyệt của SeABank với chi tiết như sau:

1. Trong hoạt động tín dụng:

Hồ sơ tín dụng:

Sau khi được cấp có thẩm quyền tại SeABank phê duyệt cấp tín dụng, Người được ủy quyền được ký: Cam kết bảo lãnh, Cam kết thu xếp vốn sau khi được Cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hồ sơ tài sản bảo đảm:

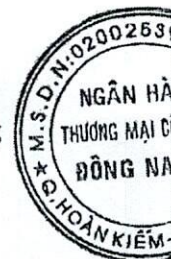
SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm 20...



GIÁM ĐỐC KHON LON TẠI ĐỊA BÀN

Hà Đình Văn



- a. Văn bản thông báo thế chấp/cầm cố/ký quỹ tài sản hoặc thông báo về việc tài sản đã bảo đảm cho các nghĩa vụ tại SeABank;
- b. Văn bản thông báo phong tỏa/giải tỏa/giải chấp TSBĐ;
- c. Văn bản đăng ký biện pháp bảo đảm/thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký/xóa đăng ký biện pháp bảo đảm hoặc các văn bản khác liên quan đến đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định pháp luật;
- d. Văn bản gửi Văn phòng công chứng, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các bên liên quan để thực hiện các thủ tục công chứng, đăng ký biện pháp bảo đảm và các văn bản phát sinh từ các Hợp đồng bảo đảm;
- e. Hồ sơ liên quan đến việc lưu hành tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông.

2. Trong hoạt động tài trợ thương mại:

Các giao dịch tài trợ thương mại sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của SeABank, Người được ủy quyền được ký:

- a. Yêu cầu mở/sửa đổi Thư tín dụng;
- b. Đề nghị hủy/tắt toán L/C và giải tỏa ký quỹ;
- c. Thông báo chứng từ hàng nhập theo L/C, Thông báo chỉ thị của Ngân hàng nước ngoài;
- d. Ký hậu vận đơn hàng nhập/Thư ủy quyền nhận hàng/Thư Bảo lãnh nhận hàng/Ký Biên bản giao nhận hàng hóa (Cargo Receipt) đối với nghiệp vụ Thư tín dụng;
- e. Điện phát hành/sửa đổi L/C nhập khẩu, thông báo chuyển nhượng L/C trong các giao dịch L/C chuyển nhượng kèm theo trang điện/bản gốc L/C sửa đổi L/C nhận qua thư tín gửi Khách hàng;
- f. Điện thanh toán L/C/chấp nhận thanh toán L/C gửi Khách hàng;
- g. Thông báo đã thanh toán bộ chứng từ L/C UPAS;
- h. Đề nghị thanh toán trước hạn L/C UPAS;
- i. Giấy báo chứng từ nhờ thu nhập khẩu;
- j. Ký hậu vận đơn hàng nhập/Thư ủy quyền nhận hàng đối với nghiệp vụ Nhờ thu nhập khẩu;
- k. Điện thanh toán/chấp nhận thanh toán Nhờ thu nhập khẩu;
- l. Đề nghị tra soát giao dịch Tài trợ thương mại;
- m. Thông báo tình trạng bộ chứng từ xuất khẩu;
- n. Thông báo thư tín dụng/sửa đổi thư tín dụng xuất khẩu;
- o. Chỉ thị thanh toán gửi ngân hàng phát hành, Chỉ thị thanh toán gửi ngân hàng hoàn trả, Chỉ thị nhờ thu đối với nghiệp vụ Tài trợ thương mại xuất khẩu;

- p. Thông báo ngân hàng nước ngoài chấp nhận thanh toán toàn bộ chứng từ xuất khẩu, Thông báo ngân hàng nước ngoài từ chối thanh toán/từ chối nhận thanh toán bộ chứng từ xuất khẩu.
- q. Thông báo v/v Ngân hàng thanh toán/nhà nhập khẩu trả chậm/từ chối thanh toán BCT xuất khẩu đã chiết khấu;
- r. Các văn bản giao dịch khác liên quan đến hoạt động Tài trợ thương mại thuộc phạm vi hoạt động của Chi nhánh.

II. Trách nhiệm của người được ủy quyền:

1. Bên B chịu trách nhiệm:

- (i) Thực hiện đúng nội dung được ủy quyền;
- (ii) Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện công việc được ủy quyền nêu trên cho Người ủy quyền, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị khi cần thiết hoặc được Người ủy quyền yêu cầu;
- (iii) Tuân thủ các phê duyệt của cấp có thẩm quyền, quy định, quy chế, quy trình liên quan của SeABank và quy định pháp luật khi thực hiện các công việc được ủy quyền.

2. Bên B được ủy quyền lại cho Giám đốc Đơn vị kinh doanh và/hoặc Giám đốc Mạng của SeABank thực hiện công việc được ủy quyền nêu tại Mục I nêu trên phù hợp với Quy định của SeABank trong từng thời kỳ.

III. Thời hạn ủy quyền:

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày 17/12/2020 và thay thế Giấy Ủy quyền số 33/2019/GUQ-CTHĐQT ngày 14/01/2019. Giấy ủy quyền này sẽ chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các điều kiện sau, tùy điều kiện nào xảy đến trước:

- Có văn bản bãi bỏ, thay thế Giấy ủy quyền này;
- Người ủy quyền hoặc Người được ủy quyền không còn đảm nhận chức vụ quy định tại phần đầu của Giấy ủy quyền này;
- Theo quyết định của Người ủy quyền hoặc theo quy định khác của SeABank trong từng thời kỳ.

Giấy ủy quyền được lập thành 02 (hai) bản và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản.



BÊN ỦY QUYỀN

LÊ VĂN TÀN

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

LÊ QUỐC LONG

Số: 625 /2018/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Bổ nhiệm Ông Lê Quốc Long đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Thường trực kiêm Giám đốc Chi nhánh SeABank Sở Giao dịch

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

- Căn cứ Bộ luật Lao động nước CHXHCN Việt Nam, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động năm 2002;
- Căn cứ Giấy phép hoạt động số 0051/NH-GP ngày 25/03/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
- Căn cứ Quy chế tổ chức hoạt động của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
- Xét năng lực của Ông Lê Quốc Long;
- Xét tình hình thực tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Bổ nhiệm Ông Lê Quốc Long (SB00085) đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Thường trực kiêm nhiệm Giám đốc Chi nhánh SeABank Sở Giao dịch từ ngày 20.6.2018.

Các nhiệm vụ cụ thể của Ông Lê Quốc Long tuân theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ và sự phân công trực tiếp của Tổng Giám đốc và Hội Đồng Quản trị.

Điều 2: Ông Lê Quốc Long được hưởng mức lương và các quyền lợi khác theo quy định hiện hành của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối Quản trị và Phát triển Nguồn nhân lực, Giám đốc Khối Tài chính và Kế Hoạch, Trưởng các phòng ban, cá nhân liên quan và Ông Lê Quốc Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Cá nhân, đơn vị có liên quan thực thi Quyết định này chịu trách nhiệm đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của SeABank và Pháp luật.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (để b/cáo);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu VP.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thị Nga

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày... tháng... năm 20....

Đơn vị soạn thảo: Khối QT&PTNNL (Lê Thị Hậu - IP: 6809 - Email: hau.lt@seabank.com.vn)

GIÁM ĐỐC KHDN LỚN TẠI ĐỊA BÀN

Hà Đình Văn

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á
(SEABANK)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3444/2022/GUQ-SB

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;
- Căn cứ Giấy ủy quyền số 393/2020/GUQ-CTHĐQT ngày 17/03/2020,

1. Người ủy quyền

- Ông : **LÊ QUỐC LONG**
- CCCD số : 022065000324 do Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 15/03/2016
- Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc thường trực - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

2. Người được ủy quyền

- Họ và tên: Ông **NGUYỄN QUÝ DƯƠNG**
- Chức vụ: Giám đốc vận hành KHDNL - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Sở Giao dịch
- CMND số: 080474788 do Công an tỉnh Cao Bằng cấp ngày 15/10/2014.

3. Phạm vi ủy quyền:

- Sau khi được cấp có thẩm quyền tại SeABank phê duyệt cấp tín dụng, Người được ủy quyền được ký: Cam kết bảo lãnh, Cam kết thu xếp vốn sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các khoản cấp tín dụng, các khoản Cam kết thu xếp vốn của Công ty cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội (Hapharco).

4. Ủy quyền lại

Không

5. Thời hạn ủy quyền

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày 18/03/2022 đến hết ngày 17/03/2023.

6. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện các công việc thuộc phạm vi ủy quyền, người được ủy quyền phải tuân thủ các quy định pháp luật, quy định SeABank.

Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Người ủy quyền, trước pháp luật về việc thực hiện ủy quyền và báo cáo Người ủy quyền nội dung công việc được ủy quyền theo quy định của SeABank.



BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

NGUYỄN QUÝ DƯƠNG

GIÁM ĐỐC KHDN LỚN TẠI ĐỊA BÀN

Hà Đình Văn

Số: 4682/2018/QĐ-NS

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Điều chuyển và bổ nhiệm đối với Ông Nguyễn Quý Dương
sang làm việc tại vị trí Giám đốc Vận hành khách hàng doanh nghiệp lớn,
Chi nhánh SeABank Sở Giao dịch, Khối Bán hàng và Dịch vụ

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

- Căn cứ Bộ luật Lao động nước CHXHCN Việt Nam năm 2012;
- Căn cứ Giấy phép hoạt động số 0051/NH-GP ngày 25/03/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
- Căn cứ Quy chế tổ chức hoạt động của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
- Căn cứ Quy chế tuyển dụng, tiếp nhận và sử dụng CBNV trong toàn hệ thống SeABank;
- Căn cứ Quyết định số 249/2018/QĐ-HĐQT ngày 21/03/2018 v/v phân quyền Bà Bùi Thị Hải Yến – Phó Giám đốc Khối kiêm Giám đốc Dịch vụ Nhân sự ký các văn bản, tài liệu thuộc chức năng của Khối Quản trị và Phát triển Nguồn nhân lực;
- Căn cứ Tờ trình số 38/2018/TTr-BHDV v/v Đề xuất điều chỉnh mô hình hoạt động của các Đơn vị kinh doanh thuộc Khối Bán hàng và Dịch vụ;
- Căn cứ Tờ trình số 2019/2018/TTr-NS v/v Phương án sắp xếp nhân sự mảng vận hành theo mô hình SeAMove 4;
- Xét tình hình thực tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Điều chuyển và bổ nhiệm Ông Nguyễn Quý Dương (SB00012), Giám đốc Kiểm soát Dịch vụ tín dụng và Kiểm soát giải ngân Khách hàng doanh nghiệp (SME), Vận hành Khách hàng doanh nghiệp, Khối Vận hành và Công nghệ sang làm việc tại vị trí Giám đốc Vận hành khách hàng doanh nghiệp lớn, Chi nhánh SeABank Sở Giao dịch, Khối Bán hàng và Dịch vụ từ ngày 25/04/2018.

Các nhiệm vụ cụ thể của Ông Nguyễn Quý Dương tuân theo sự phân công trực tiếp của Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc phụ trách Chi nhánh SeABank Sở Giao dịch và Ban Lãnh đạo Ngân hàng.

Điều 2: Ông Nguyễn Quý Dương được hưởng mức lương và các quyền lợi khác theo quy định hiện hành của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc phụ trách Chi nhánh SeABank Sở Giao dịch, Giám đốc Khối Bán hàng và Dịch vụ, Giám đốc Khối Tài chính và Kế hoạch, Trưởng các phòng ban, cá nhân liên quan và Ông Nguyễn Quý Dương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Cá nhân, đơn vị có liên quan thực thi Quyết định này chịu trách nhiệm đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của SeABank và pháp luật.

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm 20....

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BTGD (để b/cáo);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Khối PC&TT (để kiểm tra, theo dõi);
- Lưu VP.

**NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á**
PGĐ KHỐI QT&PTNNL KIỂM GD DVNS

Bùi Thị Hải Yến

Đơn vị soạn thảo: Khối QT&PTNNL (Nguyễn Thị Nguyệt Mai – IP: 6607 – Email: mai_nm2@seabank.com.vn)

GIÁM ĐỐC KHDN LỚN TẠI ĐỊA BÀN

Hà Đình Văn

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VN
CHI NHÁNH CHỢ LỚN – TPHCM

Số tham chiếu: MD2231366679

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2022

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Bên thụ hưởng: CÁC CƠ SỞ Y TẾ THỰC HIỆN KÝ HỢP ĐỒNG VÀ THỤ HƯỞNG BẢO LÃNH
(THEO DANH SÁCH PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM)

Theo đề nghị của Công ty TNHH Dược Phẩm và Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức, địa chỉ: 12 Nguyễn Hiền, Phường 4, Quận 3, TPHCM (sau đây gọi là nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu: Gói thầu 1: Cung cấp các thuốc biệt dược gốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021 (Mã hiệu: DPG.BDG.01.2021). Theo Quyết định số 2990/QĐ-BYT ngày 2/11/2022 và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp thuốc cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng).

Theo quy định trong HSYC (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho các cơ sở y tế bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng.

Chúng tôi : **NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM CN CHỢ LỚN**

Có trụ sở tại : 78 – 80 – 82 Hậu Giang, Phường 6, Quận 6, Tp.HCM

Điện thoại : 08.39603949

Fax: 08.39697981

(Sau đây gọi là **ngân hàng**)

Xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là **10.353.210.457 VND (bằng chữ: Mười tỷ ba trăm năm mươi ba triệu hai trăm mười ngàn bốn trăm năm mươi bảy đồng chẵn.)**.

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không huỷ ngang cho các cơ sở y tế trong phụ lục bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn **10.353.210.457 VND (bằng chữ: Mười tỷ ba trăm năm mươi ba triệu hai trăm mười ngàn bốn trăm năm mươi bảy đồng chẵn.)** như đã nêu trên, khi có văn bản của các cơ sở y tế trong phụ lục thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Bảo lãnh sẽ tự động hết hiệu lực khi Hợp đồng không được ký kết.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành thư bảo lãnh đến hết ngày 14/12/2024.

Bảo lãnh này có một bản chính duy nhất và không có giá trị chuyển nhượng.

Thư bảo lãnh này được điều chỉnh và giải thích theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Bất cứ đề nghị xác nhận cam kết bảo lãnh hoặc yêu cầu Techcombank thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phải được xuất trình trước ngày hết hạn hiệu lực của bảo lãnh nêu trên tại:

Trung tâm Kiểm soát tín dụng và hỗ trợ kinh doanh – Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam

Miền Bắc: Tòa Techcombank, Số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội hoặc

Miền Nam: 9-11 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

Hotline: +84 (4) 3944 6368 máy lẻ 2900 nhánh 2.

Khách hàng có thể tra cứu lại thông tin của Cam kết bảo lãnh này tại Website <https://www.techcombank.com.vn> sau 01 ngày Chứng thư bảo lãnh này được phát hành.

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH CHỢ LỚN

TUQ. Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu và chức danh. Đóng dấu tròn của đơn vị)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Văn Thị Thuý Liễu



PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ Y TẾ THỤ HƯỞNG
BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

(Kèm theo bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD2231366679 ngày 09/11/2022 của Ngân hàng
NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH CHỢ LỚN)

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị trúng thầu được phân bổ (VNĐ)	Giá trị bảo lãnh (VNĐ)
1	44005	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới	Quảng Bình	1.652.989.224	49.589.677
2	46001	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế	3.941.945.632	118.258.369
3	49013	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Quảng Nam	2.018.512.160	60.555.365
4	52001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Bình Định	1.446.629.970	43.398.899
5	48001	Bệnh viện Đà Nẵng	TP.Đà Nẵng	9.219.351.632	276.580.549
6	48126	Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	TP.Đà Nẵng	3.165.864.400	94.975.932
7	56012	Bệnh viện quân y 87	Khánh Hòa	1.668.688.000	50.060.640
8	56001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	Khánh Hòa	2.129.082.880	63.872.486
9	54001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên	Phú Yên	162.660.090	4.879.803
10	46002	Bệnh viện Trường Đại học Y-Dược Huế	Thừa Thiên Huế	1.804.217.400	54.126.522
11	79048	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. Hồ Chí Minh	46.975.474.000	1.409.264.220
12	79431	Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM	TP. Hồ Chí Minh	11.242.448.600	337.273.458
13	79025	Bệnh viện Thống Nhất	TP. Hồ Chí Minh	29.239.639.500	877.189.185
14	92115	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	TP.Cần Thơ	2.018.752.624	60.562.579
15	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre	4.884.782.204	146.543.466
16	91001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	Kiên Giang	754.425.280	22.632.758
17	92086	Bệnh viện Ung bướu Thành phố Cần Thơ	TP.Cần Thơ	5.230.321.210	156.909.636
18	82001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang	Tiền Giang	994.779.106	29.843.373
19	79423	Bệnh viện Ung Bướu	TP. Hồ Chí Minh	163.958.045.400	4.918.741.362
20	79037	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	12.188.300.720	365.649.022
21	79400	Bệnh viện Hùng Vương	TP. Hồ Chí Minh	1.397.549.856	41.926.496
22	79499	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	TP. Hồ Chí Minh	1.342.840.904	40.285.227
23	79034	Bệnh viện quân y 175	TP. Hồ Chí Minh	6.684.707.056	200.541.212
24	79397	Bệnh viện Bình Dân	TP. Hồ Chí Minh	5.847.369.480	175.421.084



VƯỢT TRỘI MỖI NGÀY

25	79075	Bệnh viện Lê Văn Thịnh	TP. Hồ Chí Minh	3.624.685.952	108.740.579
26	79030	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	5.523.924.320	165.717.730
27	79013	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	TP. Hồ Chí Minh	211.603.380	6.348.101
28	79014	Bệnh viện Nguyễn Trãi	TP. Hồ Chí Minh	391.441.632	11.743.249
29	79058	Công Ty Cổ Phần Bệnh Viện Đa Khoa Tư Nhân Triều An	TP. Hồ Chí Minh	2.188.815.030	65.664.451
30	48002	Bệnh viện C Đà Nẵng	TP.Đà Nẵng	2.536.684.064	76.100.522
31	51001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	712.561.320	21.376.840
32	92000	Bệnh viện đa khoa Trung Ương Cần Thơ	TP.Cần Thơ	3.581.740.920	107.452.228
33	89012	Bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang	An Giang	718.508.876	21.555.266
34	79024	Bệnh viện Nhân Dân 115	TP. Hồ Chí Minh	3.559.370.400	106.781.112
35	79036	Bệnh viện Đa khoa Khu Vực Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	1.089.112.600	32.673.378
36	48201	Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec - Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Đà Nẵng	TP.Đà Nẵng	463.909.368	13.917.281
37	96001	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	Cà Mau	535.280.040	16.058.401
Tổng				345.107.015.230	10.353.210.457

C. P. X



Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2020.

V/v bổ nhiệm CBNV

Giấy Ủy quyền số 308/2018/QĐ-TCB ngày 12/03/2018:

- Cây cử Hợp đồng lao động của bà Văn Thị Thủy hiệu lực ngày 17/08/2017;
- Căn cứ Báo cáo thử thách của CBNV.

PHỔ GIÁM ĐỐC

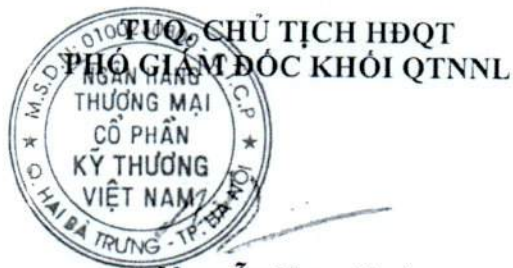
Văn Thị Thủy Liễu

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Bổ nhiệm chính thức bà Văn Thị Thúy Liễu (ID: 02-3748) - Giám đốc Khách hàng doanh nghiệp Upper SME, Trung tâm kinh doanh khách hàng doanh nghiệp - Chợ Lớn kiêm Phó Giám đốc Techcombank Chợ Lớn, Vùng 13 thuộc Khối Tư vấn tài chính và dịch vụ khách hàng kể từ ngày 01/02/2019.
- Điều 2.** Thu nhập cơ bản, Band/PC và các khoản phụ cấp/trợ cấp/thưởng (nếu có) của bà Văn Thị Thúy Liễu được giữ nguyên cho đến khi có quyết định thay thế.
- Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2019.
- Điều 4.** Các ông, bà Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực, Giám đốc Khối Tư vấn tài chính và dịch vụ khách hàng, Giám đốc Vùng 13, Giám đốc Trung tâm kinh doanh khách hàng doanh nghiệp - Chợ Lớn, Giám đốc Techcombank Chợ Lớn và bà Văn Thị Thúy Liễu có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhân:

- Như Điều 4;
- Khối QTNL HO:



Nguyễn Ngọc Duệ

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
VIETNAM TECHNOLOGICAL AND
COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

TECHCOMBANK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF
VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2022
Hanoi, 16/8/2022



QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Ủy quyền ký kết các giao dịch cấp tín dụng tại các Chi nhánh/Phòng Giao dịch

DECISION BY THE CHIEF EXECUTIVE OFFICER
VIETNAM TECHNOLOGICAL AND COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

On: the authorization to sign credit granting transactions at Branches/Transaction Service
Outlets

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Thuý Liễu

TỔNG GIÁM ĐỐC
CHIEF EXECUTIVE OFFICER

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Pursuant to Civil Code No. 91/2015/QH13 dated November 24, 2015 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam.

- Căn cứ Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam;
Pursuant to the Charter and internal regulations of Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank;
- Căn cứ Quyết định số 0058/2020/UQ-CT HDQT ngày 06/02/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc ủy quyền ký kết hợp đồng, giao dịch với khách hàng và các bên liên quan; các giấy tờ/tài liệu liên quan đến hoạt động điều hành Ngân hàng;
Pursuant to Decision No. 0058/2020/UQ-CT HDQT dated February 6th, 2020 of the Chairman of the Board of Directors on the authorization to sign contracts and transactions with customers and related parties; and to sign papers/documents related to the Bank's operations;

QUYẾT ĐỊNH
TO DECIDE

Điều 1. Nội dung ủy quyền:

Details of Authorization:

1. Tổng Giám đốc ủy quyền cho các ông/bà giữ chức danh Giám đốc/Quyền Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm giao dịch hội sở; Giám đốc/Quyền Giám đốc, Phó Giám đốc Chi nhánh; Giám đốc/Quyền Giám đốc, Phó Giám đốc Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) và Quản lý cao cấp/Quản lý thuộc Xử lý tín dụng - Khối Vận hành của Techcombank được ký kết các giao dịch tín dụng sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm các Hợp đồng cấp tín dụng

(Hợp đồng cho vay, bảo lãnh, chiết khấu, Bảo thanh toán và Hợp đồng cấp tín dụng theo các hình thức cấp tín dụng khác, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ, Cam kết bảo lãnh...), Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản, Hợp đồng ủy quyền bán, xử lý tài sản thế chấp và các văn bản, giấy tờ liên quan (nếu có).

The Chief Executive Officer hereby authorizes persons holding positions of Manager/Acting Manager, Deputy Manager of Business Center; Manager/Acting Manager, Deputy Manager of Branches; Manager/Acting Manager, Deputy Manager of Transaction Service Outlets of Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank (Techcombank) and Senior Manager/Manager – Credit Processing under Operations Division of Techcombank to sign off credit transactions including credit granting contracts (loan, guarantee, discount, factoring and credit granting contracts in other forms, Debt Acknowledgment and Debt Repayment Commitments, Guarantee Commitment, etc.), Pledge Contract, Mortgage Agreement, Authorization Contract on Collateral Selling and Disposition and other related documents and papers (if any).

2. Tổng Giám đốc ủy quyền cho các Ông/Bà giữ chức danh Chuyên viên cao cấp/Quản lý cao cấp/Giám đốc vận hành giao dịch ngân hàng bán buôn; Trưởng nhóm/Quản lý/Quản lý cao cấp tại Dịch vụ Kho quỹ & ATM được ký kết các Hợp đồng bảo đảm sau khi đã có phê duyệt của cấp có thẩm quyền bao gồm: Hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng thế chấp tài sản và các văn bản, giấy tờ liên quan (nếu có).

The Chief Executive Officer authorizes persons holding positions of Senior Officer/Senior Manager/Director at Wholesale Banking Operations; Team Leader/Manager/Senior Manager at Vault and ATM Management to sign Security Contracts upon approval of competent authorities, including Pledge Contract, Mortgage Agreement and other related documents/papers (if any).

Danh sách các Chuyên viên cao cấp được ủy quyền ký kết nhóm hồ sơ này sẽ do Giám đốc Vận hành Giao dịch Ngân hàng Bán buôn phê duyệt và ban hành bằng văn bản trong từng thời kỳ.

The list of Senior Officers authorized to sign the aforementioned documents shall be approved in writing by the Wholesale Banking Operations Director from time to time.

Điều 2. Phạm vi ủy quyền:

Scope of Authorization:

- 2.1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình theo công việc được ủy quyền trên đây, người được ủy quyền phải chấp hành đúng và đủ các yêu cầu sau:
During the implementation of authorized tasks as prescribed above, the authorized person must comply with the following requirements:

- 2.1.1. Đảm bảo, chịu trách nhiệm về việc thực hiện công việc ủy quyền theo đúng nội dung ủy quyền, các quy định hiện hành của pháp luật và các quy định nội bộ của Techcombank.

To ensure proper implementation of and take responsibility for authorized tasks in accordance with the applicable laws and Techcombank's internal regulations.

- 2.1.2. Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và các cơ quan pháp luật về mọi quyết định của mình trong việc thực hiện nội dung ủy quyền trên.

To be held accountable to the Chief Executive Officer and regulators for all decisions made during the implementation of the aforementioned authorized tasks.

- 2.1.3. Không được ủy quyền lại cho người khác thực hiện công việc được ủy quyền.

To acknowledge that re-authorization is not applicable.

- 2.2. Các cá nhân là Lãnh đạo các Phòng giao dịch (Giám đốc/Quyền Giám đốc, Phó Giám đốc Phòng giao dịch) chỉ được ký các hợp đồng cấp tín dụng có giá trị quy đổi cộng dồn không quá 2 tỷ đồng đối với 01 khách hàng phát sinh tại 01 Phòng giao dịch, trừ trường hợp cấp tín dụng được bảo đảm toàn bộ bằng tiền, vàng chứng chỉ nợ do Techcombank phát hành (bao gồm sổ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, chứng chỉ huy động vàng, kỳ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ nợ khác), hợp đồng tiền gửi của khách hàng tại Techcombank và trường hợp ký kết các khế ước nhận nợ theo các hợp đồng cấp tín dụng đã ký kết giữa khách hàng và các chi nhánh trong hệ thống Techcombank.

Individuals who are leaders of Transaction Service Outlets (Manager/Acting Manager, Deputy Manager) are allowed to sign off credit granting contracts with the maximum accumulative value of VND 2 billion granted to 01 customer at 01 Transaction Service Outlet, except for cases where the credit facility is fully secured by cash, gold or debt certificates issued by Techcombank (including savings book, certificate of deposit, certificate of gold deposit, promissory note, bond and other debt certificates), deposit contract of the customer at Techcombank and cases of signing debt acknowledgment contracts under credit granting contracts entered into by and between customers and branches in Techcombank system.

- 2.3. Giám đốc/Quyền Giám đốc, Phó Giám đốc Chi nhánh có trách nhiệm thực hiện ký kết các giao dịch cấp tín dụng của các Phòng giao dịch trực thuộc Chi nhánh đó theo đăng ký với NHNN nếu giá trị giao dịch vượt thẩm quyền ký kết của lãnh đạo Phòng giao dịch. Việc quản lý, theo dõi và xử lý khoản tín dụng cùng các trách nhiệm liên đới do lãnh đạo Phòng giao dịch có phát sinh giao dịch tín dụng chịu trách nhiệm thực hiện.

Manager/Acting Manager, Deputy Manager of the Branch is responsible for signing credit granting transactions arising at Transaction Service Outlets affiliated with Branch as registered with the State Bank of Vietnam where the transaction value is beyond the signing authority of the Transaction Service Outlet

Leader, Leader of the credit-granting Transaction Service Outlet is held liable for the management, monitoring, handling of the credit facility and other relevant responsibilities.

- 2.4. Để tuân thủ quy định của NHNN và phục vụ cho hoạt động kinh doanh chung của ngân hàng, các cán bộ là Giám đốc/Quyền Giám đốc, Phó Giám đốc Chi nhánh phải có trách nhiệm thực hiện ký kết các giao dịch tín dụng cho Phòng giao dịch trực thuộc, trường hợp từ chối có thể bị xem xét xử lý theo các quy định của Ngân hàng về xử lý kỷ luật/trừ điểm xếp loại. Tổng Giám đốc yêu cầu các Giám đốc Khối và các Giám đốc Vùng phụ trách quản lý Chi nhánh, Phòng Giao dịch chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy định về ký kết hợp đồng tín dụng theo phân công như trên, không để gây ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống, đặc biệt là hoạt động của các Phòng giao dịch.

To ensure compliance with regulations of the State Bank of Vietnam and facilitate the Bank's general business, Managers/Acting Managers, Deputy Managers of Branches are responsible for signing credit transactions for affiliated Transaction Service Outlets. Individuals refusing to perform such responsibility may be subject to disciplinary action/deduction of rating points as per the Bank's regulations. The Chief Executive Officer hereby requests HoDs and Regional Directors to direct the strict implementation of regulations on credit contract signing as prescribed above for the avoidance of interruptions to the operation of the Bank and especially, of Transaction Service Outlets.

- 2.5. Các chức danh được ủy quyền tại Điều 1 nêu trên được sử dụng con dấu của Techcombank để đóng dấu lên văn bản, tài liệu trong phạm vi công việc được ủy quyền. Việc sử dụng con dấu đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và quy định của Techcombank về công tác văn thư.

Titles authorized in Article 1 above may use Techcombank's seal to stamp on documents and materials within the authorization scope. The seal must be used in compliance with the applicable laws and Techcombank's regulations on document archive.

Điều 3. Chấm dứt ủy quyền:

Termination of Authorization:

Hiệu lực của ủy quyền ký kết giao dịch tín dụng cho cá nhân tại Điều 1 sẽ tự động chấm dứt trong trường hợp cá nhân có Quyết định thôi việc tại Techcombank, hoặc có quyết định chấm dứt ủy quyền, hoặc trong trường hợp cá nhân không còn giữ chức danh đó, ngoại trừ trường hợp thay đổi vị trí từ lãnh đạo đơn vị kinh doanh này sang đơn vị kinh doanh khác thuộc Techcombank hoặc thay đổi chức danh nhưng vẫn kiêm nhiệm chức danh trước đó.

This Authorization shall be deemed invalid where the authorized person's resignation is approved, where the authorization termination decision is issued, or where the authorized person no longer holds the current position, except for the case of rotation to another business unit under Techcombank with unchanged position or the case of double-hatting.

Điều 4. Hiệu lực thi hành:

Effectiveness:

Quyết định này thay thế Quyết định số 0054/2022/UQ-TCB ngày 10/05/2022 và có hiệu lực từ kể từ ngày 17/8/2022 cho đến khi có văn bản thay thế.

This Decision replaces Decision No. 054/2022/UQ-TCB dated 10/05/2022 and takes effect from 17/8/2022 until the issuance of its replacement.

Quyết định này được lập bằng tiếng Việt, phần dịch tiếng Anh chỉ có giá trị tham khảo.
This Decision is made in Vietnamese, and the English translation is for reference only.

Các đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Relevant units and individuals are responsible for the implementation of this Decision.

Nơi nhận: Receipt:

- Người được ủy quyền tại Điều 1;
Authorized person prescribed in Article 1;
- Khối RBG, Khối BB, Khối Vận Hành;
RBG, BB, Operations Division;
- Lưu CA./.
Archived at CA./.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CHIEF EXECUTIVE OFFICER

